

Ngày: 29/9/2025.

V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên.

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.*

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 429/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 545/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 487/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A

Tru sở: Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: phường Bảy Hiền, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quốc H là người đại diện hợp pháp theo giấy ủy quyền số 43/GUQ-GHTK. Có đơn xin mặt

Bi đơn: Ông Phạm Quang H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Phường 5, Quận 3, nay là phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Quốc H trình bày như sau:

Ông Phạm Quang H là nhân viên của Công ty A theo Hợp đồng dịch vụ Số HCM.354557-1/2020/HĐDV tuy nhiên, do đã lâu nên hợp đồng trên đã thất lạc. Nhiệm vụ của ông H theo hợp đồng dịch vụ là giao, nhận hàng hóa và “thu hộ” tiền từ các khách hàng sử dụng dịch vụ Bưu chính tại Công ty.

Vào các ngày 20/01/2021 và 21/01/2021 Ông Phạm Quang H có đến địa điểm kinh doanh của Công ty tại địa chỉ Phường 15, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

đề lấy 60 đơn hàng đi giao cho khách và thu hộ tiền từ việc giao các đơn hàng trên, với tổng số tiền 45.776.000 đồng.

Đến chiều ngày 21/01/2021, ông H có trở về Công ty để làm việc, tại đây ông H thừa nhận là đã giao thành công các đơn hàng trên và thu được số tiền 45.776.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc thì ông H bị rút mất bóp, hiện chỉ có thể thế trả lại cho Công ty số tiền 16.580.000 đồng. Còn số tiền 29.196.000 đồng thì chưa có điều kiện chi trả. Sau đó, kể từ ngày 21/01/2021 ông H tự ý nghỉ việc, không tiếp tục hợp tác nên Công ty có trình báo vụ việc ra Cơ quan CSĐT Công an Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo quy định.

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 21/02/2022 và Thông báo kết quả giải quyết đơn Số 1351/TB-CAQ10-ĐTTH của Cơ quan CSĐT Công an Quận 10 thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: *“Theo biên bản làm việc giữa Công Ty với anh H ngày 21/01/2021 thể hiện việc anh Phạm Quang H đi giao hàng, thu 45.776.000 đồng của khách hàng nhưng trên đường về đã làm rơi mất ví tiền. Công ty đã mời anh H lên làm việc và anh H đã nộp khắc phục số tiền 16.580.000 đồng. Còn lại 29.196.000 đồng anh H cam kết sẽ trả lại cho Công ty là vụ việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Án”*.

Chính vì thế, Công ty tiến hành khởi kiện ông Phạm Quang H để yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Phạm Quang H phải hoàn trả Công ty số tiền 29.196.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Buộc ông Phạm Quang H trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày 21/01/2021 đến ngày 05/3/2025 là: 04 năm 1 tháng 13 ngày là 12.024.709 đồng.

Tổng số tiền ông Phạm Quang H có trách nhiệm phải trả cho Công ty là: 41.184.709 đồng (*Bốn mươi một triệu, một trăm tám mươi bốn ngàn, bảy trăm lẻ chín đồng*).

Bị đơn ông Phạm Quang H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông H.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn Công ty A có ông Trần Quốc H là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin vắng và tại bản tự khai đề ngày 29/9/2025 ông Huy xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Công ty A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể

1. Buộc ông Phạm Quang H phải hoàn trả Công ty số tiền 29.196.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

2. Buộc ông Phạm Quang H trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày 21/01/2021 đến ngày 29/9/2025 là: 04 năm 8 tháng 8 ngày là 13.681.634 đồng.

Tổng số tiền ông Phạm Quang H có trách nhiệm phải trả cho Công ty là: 42.877.634 đồng (*Bốn mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, sáu trăm ba mươi bốn đồng*).

- Bị đơn ông Phạm Quang H vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn Công ty A là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty A khởi kiện bị đơn ông Phạm Quang H phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ Số HCM.354557-1/2020/HĐDV do ông H đang giữ nên đây là vụ án “Tranh chấp kiện đòi tài sản” được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền Về thẩm quyền:

Theo kết quả xác minh của Công an xã Đứa Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi trả lời Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án nhân dân Khu vực 1 thể hiện “*Hiện nay công dân Phạm Quang H có HKTT tại địa phương nhưng không sinh sống tại địa phương, hiện tại công dân Phạm Quang H đang tạm trú tại Phường 5, Quận 3, TP. HCM*”

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 5, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án nhân dân Khu vực 1 thể hiện: “*Ông Phạm Quang H SN 1997 có đăng ký có đăng tạm trú tại Phường 5, Quận 3, nhưng hiện nay vắng mặt tại địa phương...*”.

Căn cứ kết quả xác minh trên cho thấy sau khi ký kết hợp đồng, bị đơn ông Phạm Quang H đã thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đây được xem là trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, nơi cư trú tại Phường 5, Quận 3 nay là phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh của ông H được xem là nơi cư trú cuối cùng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[2.1]. Nguyên đơn Công ty A có ông Trần Quốc H là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt ông Huy.

[2.2]. Bị đơn Nguyên ông Phạm Quang H đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 1 tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về các yêu cầu của nguyên đơn, Buộc ông Phạm Quang H phải hoàn trả Công ty số tiền 29.196.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) và buộc ông Phạm Quang H trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày 21/01/2021 đến ngày 29/9/2025 là: 04 năm 8 tháng 8 ngày là 13.681.634 đồng. Tổng cộng là: 42.877.634 đồng (*Bốn mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi bốn đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Ông Phạm Quang H và Công ty A có Hợp đồng dịch vụ Số HCM.354557-1/2020/HĐDV. Nhiệm vụ của ông H theo hợp đồng dịch vụ là giao, nhận hàng hóa và “thu hộ” tiền từ các khách hàng sử dụng dịch vụ Bưu chính tại Công ty.

Vào các ngày 20/01/2021 và 21/01/2021 Ông Phạm Quang H có đến địa điểm kinh doanh của Công ty tại địa chỉ Phường 15, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh để lấy 60 đơn hàng đi giao cho khách và thu hộ tiền từ việc giao các đơn hàng trên, với tổng số tiền 45.776.000 đồng.

Đến chiều ngày 21/01/2021, ông H có trở về Công ty để làm việc, tại Công ty ông H thừa nhận là đã giao thành công các đơn hàng trên và thu được số tiền 45.776.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc thì ông H bị rút mất bóp, hiện chỉ có thể trả lại cho Công ty số tiền 16.580.000 đồng. Còn số tiền 29.196.000 đồng thì chưa có điều kiện chi trả. Sau đó, kể từ ngày 21/01/2021 ông H tự ý nghỉ việc, không tiếp tục hợp tác nên Công ty có trình báo vụ việc ra Cơ quan CSĐT Công an Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo quy định.

Căn cứ nội dung Thông báo kết quả giải quyết đơn Số 1851/TB-CAQ10-ĐTTH ngày 17/6/2021 của Cơ quan CSĐT Công an Quận 10 thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: “*Sau khi xem xét nội dung đơn, kết quả làm việc với đại diện Công ty và anh Phạm Quang H, Công an Quận 10 có ý kiến như sau*”

Theo biên bản làm việc giữa Công Ty với anh H ngày 21/01/2021 thể hiện việc anh Phạm Quang H đi giao hàng, thu 45.776.000 đồng của khách hàng nhưng trên đường về đã làm rơi mất ví tiền. Công ty đã mời anh H lên làm việc và anh H đã nộp khắc phục số tiền 16.580.000 đồng. Còn lại 29.196.000 đồng anh H cam kết sẽ trả lại cho Công ty là vụ việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Án”.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy các tình tiết này là sự thật và không cần phải chứng minh.

Như vậy việc ông Phạm Quang H trong thời gian làm việc cho Công ty A với công việc là giao, nhận hàng hóa và “thu hộ” tiền từ các khách hàng sử dụng dịch vụ Bru chính và đã nhận của các khách hàng tổng số tiền giao thành công các đơn hàng trên và thu được số tiền 45.776.000 đồng nhưng chỉ trả cho Công ty số tiền 16.580.000 đồng. Còn số tiền 29.196.000 đồng ông H chưa trả.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền đòi lại tài sản như sau: *“chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.”*..

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này”*.

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu của Công ty A về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Quang H phải trả lại số tiền mà ông H đang giữ là 29.196.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày 21/01/2021 đến ngày 29/9/2025 là: 04 năm 8 tháng 8 ngày là 13.681.634 đồng. Tổng cộng là: 42.877.634 đồng (*Bốn mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, sáu trăm ba mươi bốn đồng*), là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty A được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 166, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A buộc ông Phạm Quang H phải trả số tiền 29.196.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 21/01/2021 đến ngày 29/9/2025 là: 04 năm 8 tháng 8 ngày là 13.681.634 đồng. Tổng cộng là: 42.877.634 đồng (*Bốn mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, sáu trăm ba mươi bốn đồng*)

Việc trả tiền được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày đến hạn thi hành án và Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Quang H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì ông Phạm Quang H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.143.882 đồng (*Hai triệu, một trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm tám mươi hai đồng*).

- Hoàn lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 863.495 đồng (*Tám trăm sáu mươi ba ngàn, bốn trăm chín mươi lăm đồng*) theo Biên lai số 0007980 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền kháng Nghị

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Khu vực 1 – TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Hằng

Nguyễn Kiên Hiên

Phan Thị Hoa

